

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 862/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh T; Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành N – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H1 – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, T2 phố Hịa Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 762/2023/DSST ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 897/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1339/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Hồ Thị Thảo S – sinh năm 1985; Địa chỉ : Ấp E, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền : ông Nguyễn Đức T3 – sinh năm 1984

Bị đơn : Ông Nguyễn Thanh C – sinh năm 1968; Địa chỉ : C T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : bà Đỗ Ngọc P – sinh năm 1970; Địa chỉ thường trú: số C T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú : 1 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hồ Thị Thảo S, ông Nguyễn Đức T3 – có mặt, ông Nguyễn Thanh C, bà Đỗ Ngọc P - vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn bà Hồ Thị Thảo S khởi kiện nội dung chính như sau : buộc ông Nguyễn Thanh C phải trả cho bà số tiền 690.800.000 (sáu trăm chín mươi triệu tám trăm nghìn) đồng mà ông C đã mượn bà, cụ thể số tiền gốc là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng

vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 13/4/2022 là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 08/11/2021 là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng; Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 29/3/2021 là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng và số tiền lãi được tính từ ngày 1/7/2022 đến ngày 01/11/2023 theo lãi suất 1.6%/tháng là 140.800.000 (một trăm bốn mươi triệu tám trăm nghìn) đồng và yêu cầu ông C tiếp tục trả số tiền lãi đến lúc Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/4/2024, nguyên đơn bà Hồ Thị Thảo S thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau :

1/Yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thanh C phải thanh toán cho bà toàn bộ số tiền vay nợ còn thiếu là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 13/4/2022 là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 08/11/2021 là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 29/3/2021 là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

2/ Yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thanh C phải thanh toán cho bà tiền lãi trên số tiền gốc 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng được tính như sau : lãi suất 1.6%/tháng, được tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là do từ ngày 01/7/2022, cá nhân ông Nguyễn Thanh C không trả tiền và đóng tiền lãi.

3/ Nguyên đơn xác nhận hiện nay bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB777915, số vào sổ cấp GCN : CS16852 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 31/3/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 08/11/2021 lập tại Văn phòng công chứng Phạm Văn T4 để đảm bảo khoản nợ vay. Bà Đỗ Ngọc P là vợ của ông Nguyễn Thanh C, có chung địa chỉ cư ngụ của ông C tại số C T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh C, bà Đỗ Ngọc P phải thanh lý tài sản này để trả nợ cho nguyên đơn. Cụ thể ông Nguyễn Thanh C bà Đỗ Ngọc P phải bán phần đất này trong thời gian nhất định để trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thanh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc P tại địa chỉ nguyên đơn khởi kiện nhưng các đương sự vẫn không đến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được vì nguyên đơn Hồ Thị Thảo S không cung cấp bất kỳ sự thay đổi địa chỉ đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc P. Nguyên đơn Hồ Thị Thảo S, Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức T3 cho rằng việc tìm kiếm đương sự là nghĩa vụ của Tòa án nên nguyên đơn không phải cung cấp. Ngày 28/8/2024, Công an phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 106) cho biết về đương sự bị đơn ông Nguyễn Thanh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc P "...hiện nay đang tạm trú tại 1 T, phường H, quận T...".

Ngày 09/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc P đến Tòa án có lời khai (bút lục số 112-114) sau : bà là vợ của ông Nguyễn Thanh C, bà Hồ Thị Thảo S là em dâu của ông C. Ông C có mượn của mẹ bà S lần đầu tiên (không nhớ rõ ngày tháng năm) là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, sau đó ông mượn thêm 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tổng cộng là 130.000.000 (một trăm ba mươi

triệu) đồng, hàng tháng ông **C** đã trả lãi là 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng nhưng không có ký nhận và trả hơn 01 năm. Khi bệnh dịch covid19 đến, ông **C** không trả tiền lãi được nên bà **S** cộng tất cả tiền lãi thành số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Khoảng tháng 10/2021, bà có mượn bà **S** số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Bà **S** cùng vợ chồng bà đến phòng công chứng ký nhận, có thể chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà hiện nay bà **S** đang giữ. Bà **S** có gọi cho bà yêu cầu bà bán đất này cho bà **S** với giá 1.250.000.000 (một tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng nhưng bà không đồng ý. Bà đồng ý vợ chồng bà sẽ trả cho bà **S** số tiền đã mượn là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S**, Người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Đức T3** trình bày : nguyên đơn yêu cầu buộc ông **Nguyễn Thanh C** bà **Đỗ Ngọc P** phải cùng thanh toán số tiền còn nợ tính tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) là : 778.254.000 (bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng trong đó số tiền gốc còn nợ là : 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi được tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1.6%/tháng, là : 228.254.000 (hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng. Nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ vay là đất trồng lúa, đất bỏ trống, không ai cư ngụ và hiện nay bà đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB777915, số vào sổ cấp GCN : CS16852 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L** cấp ngày 31/3/2021. Sau đó, nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** thay đổi ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền gốc, tiền lãi tại phiên tòa cụ thể bà yêu cầu số tiền gốc ông **Nguyễn Thanh C** bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh toán cho bà là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 141.856.000 (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Bị đơn ông **Nguyễn Thanh C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S**, ghi nhận ý kiến tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** và đình chỉ đối với một phần yêu cầu được nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** rút tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 26/9/2024) về số tiền gốc và tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh lý tài sản thế chấp trong thời gian nhất định để trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, **H** đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

- Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** nộp gồm Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 13/4/2022 (bút lục 52-53) là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2021 (bút lục 50-51) là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 29/3/2021 (bút lục 48-49) là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Bị đơn ông **Nguyễn Thanh C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** hiện nay đang tạm trú tại địa chỉ: **1 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án : Bị đơn ông **Nguyễn Thanh C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Tòa án đã tổng đạt theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bị đơn ông **Nguyễn Thanh C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** nộp gồm Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 13/4/2022 (bút lục 52-53) là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2021 (bút lục 50-51) là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng và Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 29/3/2021 (bút lục 48-49) là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng. Tất cả các hợp đồng vay trên đều thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất cho vay là 1.6%/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 4 năm 2022 lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4**, các bên đương sự có thỏa thuận được ghi nhận như sau : “... **Điều 1:** Hai bên cùng thỏa thuận là Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng). Việc giao nhận số tiền này do hai bên tự thực hiện và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao nhận tiền, hai bên làm biên nhận riêng...”. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 8 tháng 11 năm 2021 lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4**, các bên đương sự có thỏa thuận được ghi nhận như sau : “... **Điều 1:** Hai bên cùng thỏa thuận là Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là **220.000.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Việc giao nhận số tiền này do hai bên tự thực hiện và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao nhận tiền, hai bên làm biên nhận riêng...”. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 29 tháng 03 năm 2021 lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4**, các bên đương sự có thỏa thuận được ghi nhận như sau : “... **Điều 1:** Hai bên cùng thỏa thuận là Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là **130.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi triệu đồng). Việc giao nhận số tiền này do hai bên tự thực hiện và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao nhận tiền, hai bên làm biên nhận riêng...”

Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S**, người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Đức T3** không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền cho vay với tổng cộng số tiền yêu cầu khởi kiện là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng được ký kết giữa bà **Hồ Thị Thảo S** và ông **Nguyễn Thanh C** theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 83/2024/QĐ-CCTLCC ngày 27/2/2024 (bút lục 63). Tuy nhiên ngày 09/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** xác nhận và đồng ý vợ chồng bà sẽ trả cho bà **S** số tiền đã mượn là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng (bút lục 114). Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay (ngày 26/9/2024), qua sự phân tích của Hội đồng xét xử, nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** thay đổi ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền gốc, tiền lãi cụ thể yêu cầu của bà như sau: bà yêu cầu ông **Nguyễn Thanh C** bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh toán cho bà số tiền gốc là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng cho các Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 13/4/2022; Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2021 và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4** ngày 29/3/2021 và tiền lãi là 141.856.000 (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tiền lãi theo thỏa thuận của các bên đương sự trong Hợp đồng là 1.6%/tháng, thời hạn nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử (ngày 26/9/2024) là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể như sau : $330.000.000 \text{ đồng} \times 1.6\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 141.856.000$ (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Số tiền ông **Nguyễn Thanh C**, bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** là $330.000.000 \text{ đồng} + 141.856.000 \text{ đồng} = 471.856.000$ (bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng

Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** và đình chỉ đối với một phần yêu cầu được nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** rút tại phiên tòa về số tiền gốc và tiền lãi, xem xét chấp nhận về yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa hôm nay buộc ông **Nguyễn Thanh C** bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh toán cho bà **Hồ Thị Thảo S** số tiền gốc là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng cho các Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 13/4/2022; Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2021 và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4** ngày 29/3/2021 và tiền lãi là 141.856.000 (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Tại buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/4/2024, nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** có thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu vì ngay từ khi nộp đơn nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** đã nộp kèm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2021, bà xác nhận hiện nay bà đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB777915, số vào sổ cấp GCN : CS16852 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L** cấp ngày 31/3/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 08/11/2021 lập tại Văn phòng công chứng **Phạm Văn T4** để đảm bảo khoản nợ vay. Bà **Đỗ Ngọc P** là vợ của ông **Nguyễn Thanh C**, có chung địa chỉ cư ngụ của ông **C** tại **số C T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh lý tài sản này để trả nợ cho nguyên đơn. Cụ thể ông

Nguyễn Thanh C và bà **Đỗ Ngọc P** phải bán phần đất này trong thời gian nhất định để trả nợ. Xét, tại Điều 7 “việc xử lý tài sản thế chấp” của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập tại **Văn phòng C1** ngày 08/11/2022 có ghi nhận như sau (bút lục 46) : “...Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì hai bên xử lý tài sản thế chấp theo phương thức sau :

-Bên A tự bán tài sản hoặc giao tài sản và ủy quyền cho bên B bán tài sản thế chấp theo giá do bên A quyết định...”

Từ đó, yêu cầu của nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** về việc ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh lý phần tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay này trong thời gian nhất định để trả nợ không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì các bên đương sự không thống nhất thỏa thuận về thời hạn phải thực hiện.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông **Nguyễn Thanh C**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P** phải chịu án phí là 22.874.240 (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi) đồng. Nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo mục 1.1 đối với tranh chấp về dân sự không có giá ngạch của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 146, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S**, ghi nhận ý kiến tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đỗ Ngọc P**; đình chỉ đối với một phần yêu cầu được nguyên đơn bà **Hồ Thị Thảo S** rút tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 26/9/2024) về số tiền gốc và tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Đỗ Ngọc P** phải thanh lý tài sản thế chấp trong thời gian nhất định để trả nợ cho nguyên đơn.

Ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Đỗ Ngọc P** phải liên đới cùng thanh toán cho bà **Hồ Thị Thảo S** số tiền tổng cộng là 471.856.000 (bốn trăm bảy mươi một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, trong đó tiền gốc vay là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.6%/tháng quy định tại các Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1** ngày 13/4/2022; Hợp đồng vay tiền lập tại **Văn phòng C1**

ngày 08/11/2021 và Hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng C1 ngày 29/3/2021 được tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) là 141.856.000 đồng

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự : Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp, ông Nguyễn Thanh C và bà Đỗ Ngọc P đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì bà Hồ Thị Thảo S phải trả lại toàn bộ giấy tờ bản chính đang giữ của ông Nguyễn Thanh C là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB777915, số vào sổ cấp GCN : CS16852 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 31/3/2021.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngọc P phải chịu án phí là 22.874.240 (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi) đồng. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thảo S phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo mục 1.1 đối với tranh chấp về dân sự không có giá ngạch của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền nguyên đơn bà Hồ Thị Thảo S đã nộp. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 15.516.000 (mười lăm triệu năm trăm mười sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0001724 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, T2 phố Hịa Chí M cho bà Hồ Thị Thảo S.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;

- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền